

CÔNG TY CỔ PHẦN VINHOMES

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

V/v: Công bố thông tin định kỳ về tình hình thanh toán gốc, lãi

Hà Nội ngày 25 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: - **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**  
- **NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công Ty Cổ Phần Vinhomes gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu như sau:

**1. Thông tin doanh nghiệp**

- Tên doanh nghiệp: Công Ty Cổ Phần Vinhomes
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102671977
- Ngày cấp: 06/03/2008 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
- Nơi cấp: Sở Tài chính thành phố Hà Nội
- Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà văn phòng Symphony, Đường Chu Huy Mân, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 024 3974 9350 Số fax giao dịch: 39749351
- Địa chỉ thư điện tử: info@vinhomes.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh Bất Động Sản
- Mã số thuế: 0102671977


**2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu:**

- Kỳ báo cáo: 6 tháng (từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/06/2025)
- Ngày thống kê: 30/06/2025
- Nội dung báo cáo: Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

  
Phạm Thị Tâm

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HOẶC  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC  
ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Nguyễn Chu Hằng





PHỤ LỤC I

STT	Mã Trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối ngày thống kê (đồng)	Trả lãi / Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
1	VHM12410	6.500.000.000.000	6.500.000.000.000	Lãi	30/03/2025	31/03/2025	31/03/2025	12,000	192.328.767.150	192.328.767.150				
2	VHM12410	6.500.000.000.000	6.500.000.000.000	Lãi	30/06/2025	30/06/2025	30/06/2025	12,000	196.602.739.870	196.602.739.870				
3	VHMB2325001	1.500.000.000.000	0	Lãi	17/01/2025	17/01/2025	17/01/2025	12,000	45.369.863.051	45.369.863.051				
4	VHMB2325001	1.500.000.000.000	0	Gốc	17/04/2025	17/04/2025	17/04/2025	12,000	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000				
5	VHMB2325001	1.500.000.000.000	0	Lãi	17/04/2025	17/04/2025	17/04/2025	12,000	44.383.561.612	44.383.561.612				
6	VHMB2325002	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	Lãi	17/01/2025	17/01/2025	17/01/2025	12,000	45.369.863.045	45.369.863.045				
7	VHMB2325002	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	Lãi	17/04/2025	17/04/2025	17/04/2025	12,000	44.383.561.624	44.383.561.624				
8	VHMB2325003	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	17/01/2025	17/01/2025	17/01/2025	12,000	60.493.150.721	60.493.150.721				
9	VHMB2325003	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	17/04/2025	17/04/2025	17/04/2025	12,000	59.178.082.158	59.178.082.158				
10	VHMB2325004	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	23/02/2025	24/02/2025	24/02/2025	12,000	60.493.150.710	60.493.150.710				
11	VHMB2325004	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	23/05/2025	23/05/2025	23/05/2025	12,000	58.520.547.957	58.520.547.957				
12	VHMB2325005	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	21/03/2025	21/03/2025	21/03/2025	12,000	59.178.082.183	59.178.082.183				
13	VHMB2325005	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	21/06/2025	23/06/2025	23/06/2025	12,000	60.493.150.731	60.493.150.731				
14	VHMB2426003	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	15/01/2025	15/01/2025	15/01/2025	12,000	60.493.150.696	60.493.150.696				
15	VHMB2426003	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	15/04/2025	15/04/2025	15/04/2025	12,000	59.178.082.174	59.178.082.174				
16	VHMB2426004	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	25/01/2025	03/02/2025	03/02/2025	12,000	60.493.150.736	60.493.150.736				
17	VHMB2426004	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	25/04/2025	25/04/2025	25/04/2025	12,000	59.178.082.171	59.178.082.171				
18	VHMB2426005	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	15/02/2025	17/02/2025	17/02/2025	12,000	60.493.150.698	60.493.150.698				
19	VHMB2426005	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	15/05/2025	15/05/2025	15/05/2025	12,000	58.520.547.964	58.520.547.964				
20	VHMB2426006	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000	Lãi	27/03/2025	27/03/2025	27/03/2025	12,000	73.972.602.733	73.972.602.733				
21	VHMB2426006	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000	Lãi	27/06/2025	27/06/2025	27/06/2025	12,000	75.616.438.381	75.616.438.381				
22	VHMB2427001	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	Lãi	25/03/2025	25/03/2025	25/03/2025	12,000	88.767.123.267	88.767.123.267				
23	VHMB2427001	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	Lãi	25/06/2025	25/06/2025	25/06/2025	12,000	90.739.726.070	90.739.726.070				
24	VHMB2427002	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	Lãi	25/03/2025	25/03/2025	25/03/2025	12,000	29.589.041.083	29.589.041.083				
25	VHMB2427002	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	Lãi	25/06/2025	25/06/2025	25/06/2025	12,000	30.246.575.360	30.246.575.360				
26	VHMB2427007	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	31/01/2025	03/02/2025	03/02/2025	12,000	60.493.150.685	60.493.150.685				
27	VHMB2427007	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	30/04/2025	05/05/2025	05/05/2025	12,000	58.520.547.942	58.520.547.942				
28	VHMB2427008	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	08/02/2025	10/02/2025	10/02/2025	12,000	60.493.150.699	60.493.150.699				
29	VHMB2427008	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Lãi	08/05/2025	08/05/2025	08/05/2025	12,000	58.520.547.962	58.520.547.962				
30	VHMB2427009	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000	Lãi	17/03/2025	17/03/2025	17/03/2025	12,000	118.356.164.364	118.356.164.364				
31	VHMB2427009	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000	Lãi	17/06/2025	17/06/2025	17/06/2025	12,000	120.986.301.400	120.986.301.400				



*[Handwritten signature]*